

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH B**

Số: **68/2021/QĐST-DS**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TX. G, ngày 02 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ vào các Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 15 tháng 7 năm 2021 và yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của các bên tham gia hòa giải.

XÉT THẤY

Các bên tham gia hòa giải có đủ năng lực hành vi dân sự; các bên là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận và nội dung thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, các bên không có thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên:

- Người khởi kiện: **Hộ kinh doanh T.**

Địa chỉ: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh B.

Người đại diện hộ kinh doanh: Bà Huỳnh Xuân D - sinh năm 1988.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Ngọc Th, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh B.

Theo văn bản ủy quyền ngày 15/01/2021.

- Người bị kiện: Ông **Lê Hoàng H**, sinh năm 1973 và bà **Ngô Thị K**, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Ấp Nhàn Dân A, xã Tân Phong, thị xã G, tỉnh B.

2. Những nội dung hòa giải thành được công nhận cụ thể như sau:

2.1. Ông Lê Hoàng H và bà Ngô Thị K cùng có trách nhiệm trả cho Hộ kinh doanh T số tiền vốn gốc là 275.398.000 đồng và tiền lãi là 66.288.298 đồng. Tổng vốn và lãi là 341.686.298 đồng (Ba trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm tám mươi sáu ngàn hai trăm chín mươi tám đồng).

2.2. Về thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán số tiền trên các đương sự thống nhất sẽ do cơ quan Thi hành án giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

2.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền vốn gốc còn phải thi hành án theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3/. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/. Quyết định này có hiệu lực pháp luật và kHg bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Các đương sự có quyền đề nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã G;
- THADS thị xã G;
- Các bên tham gia hòa giải;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Duy Khánh